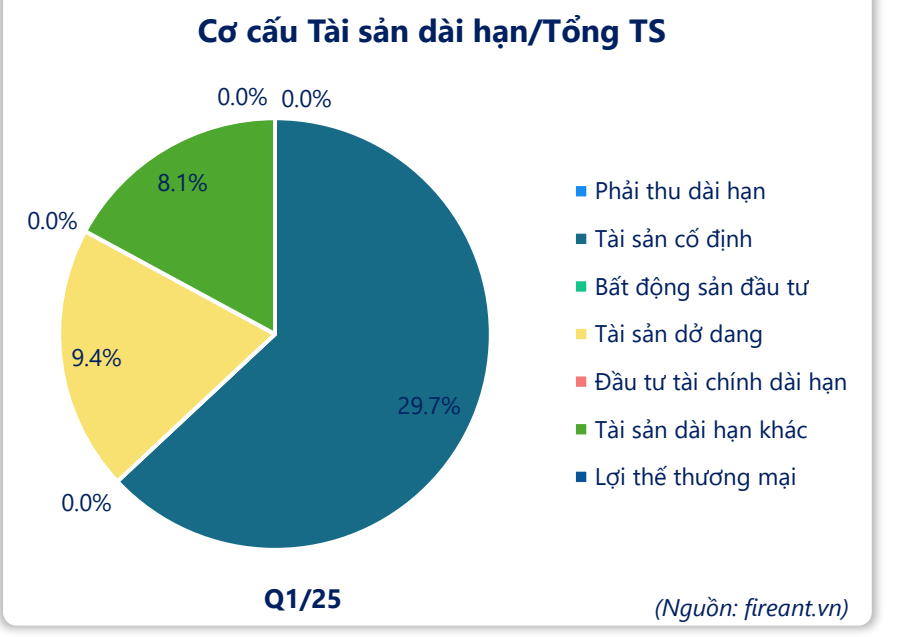
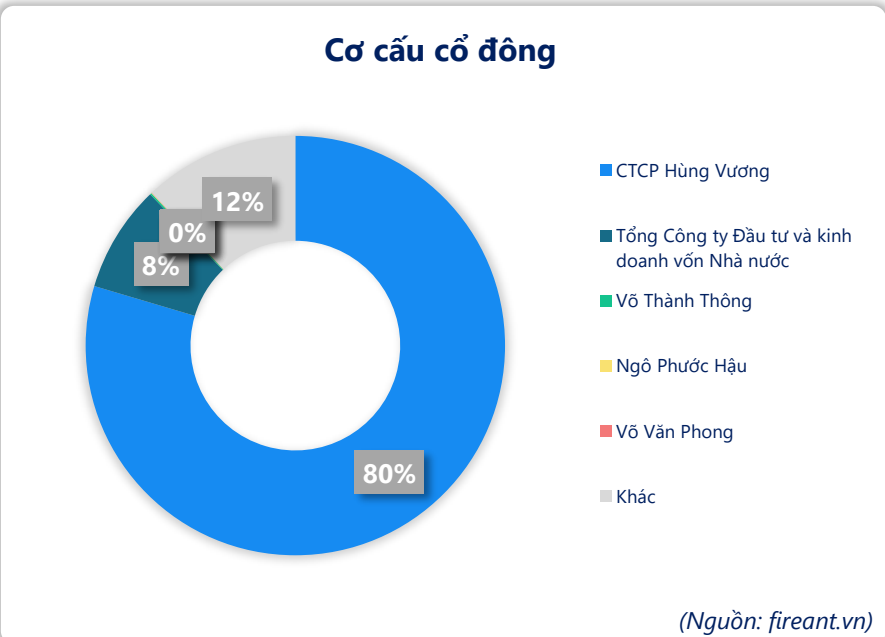
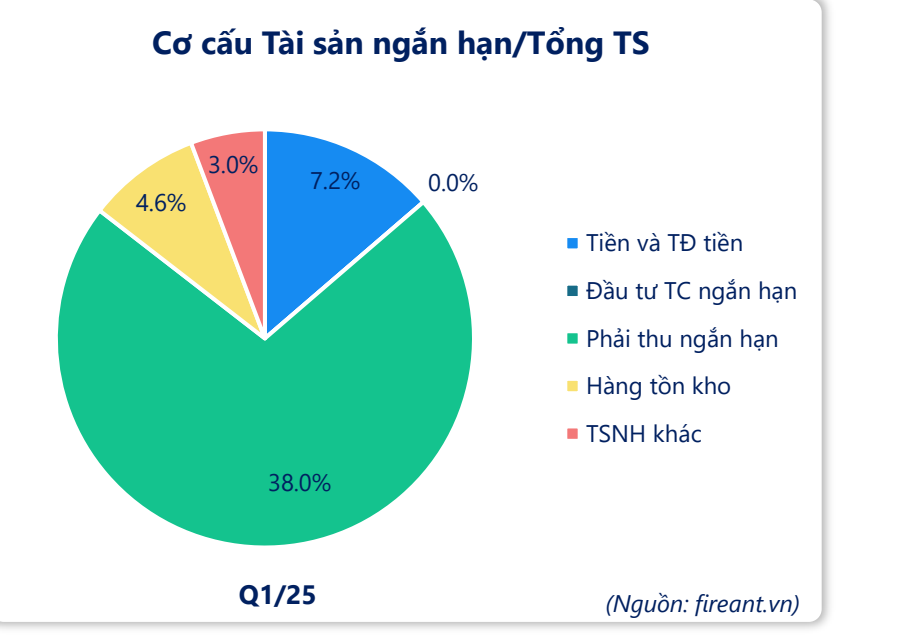
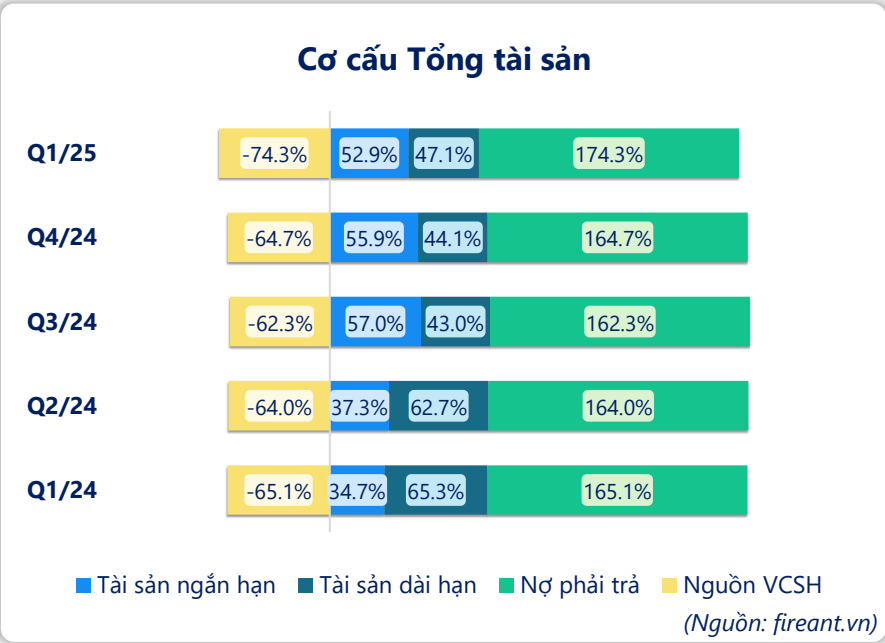
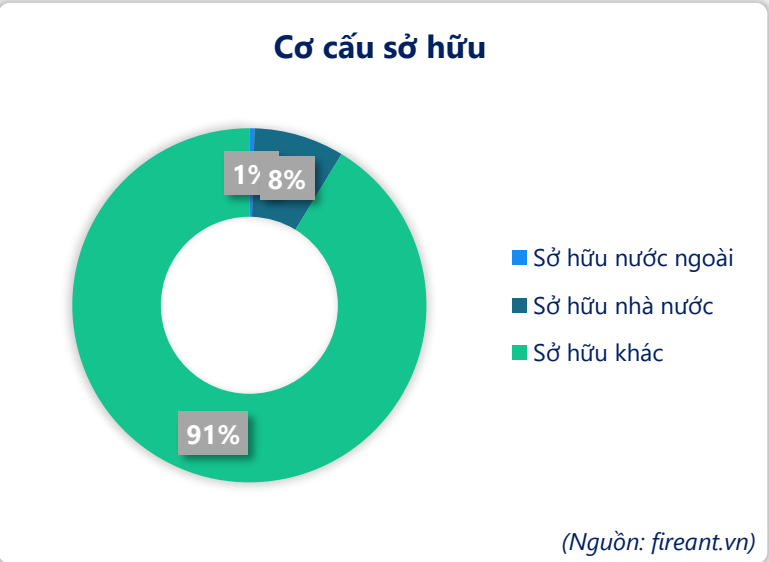
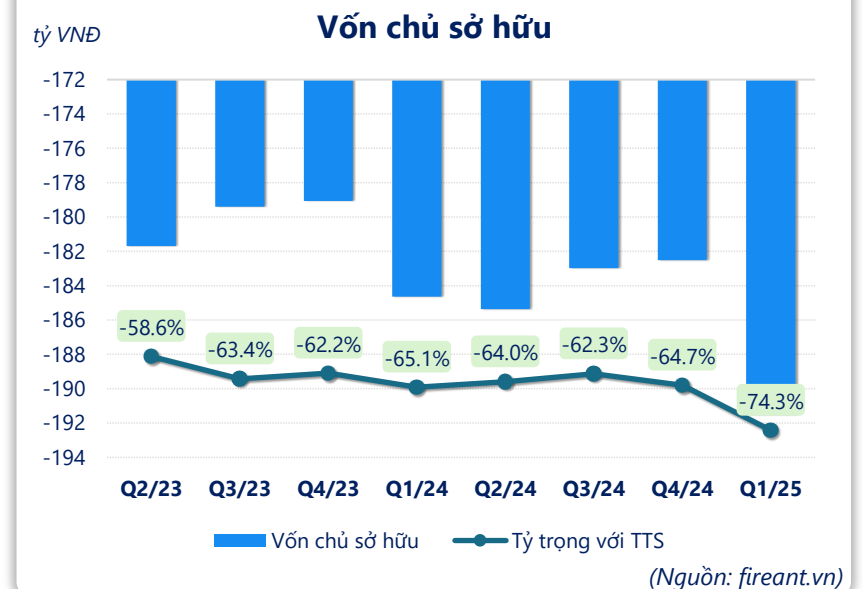
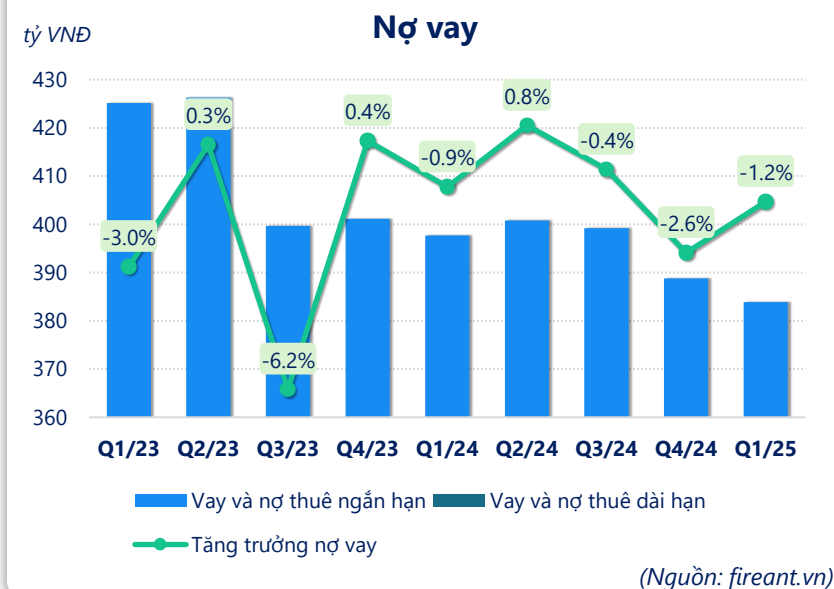
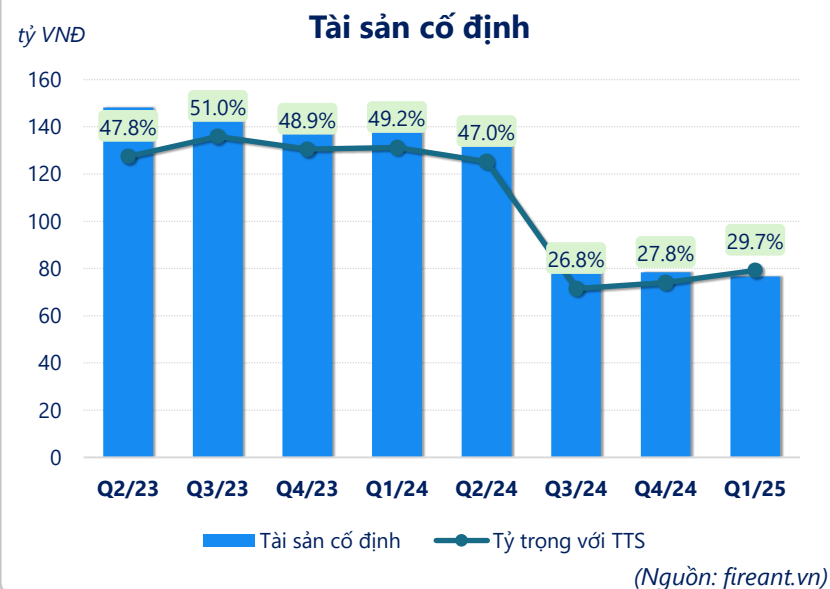
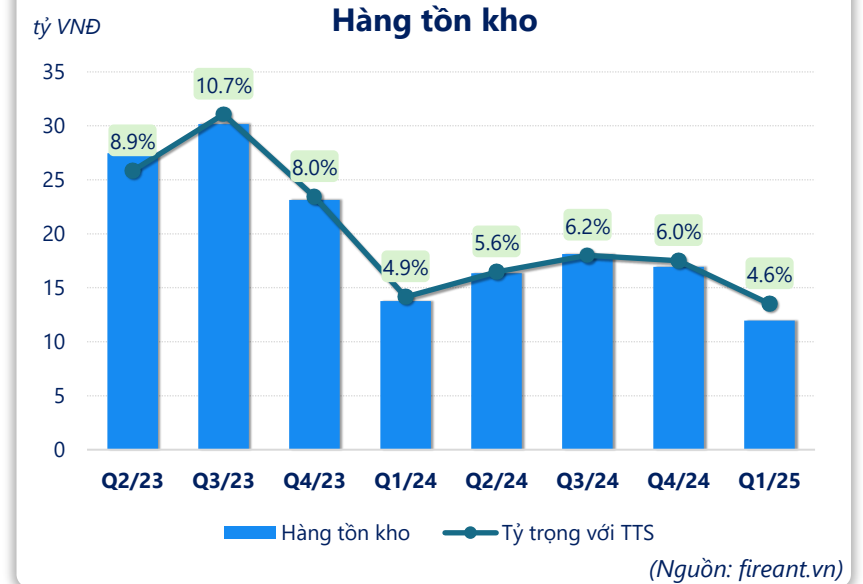
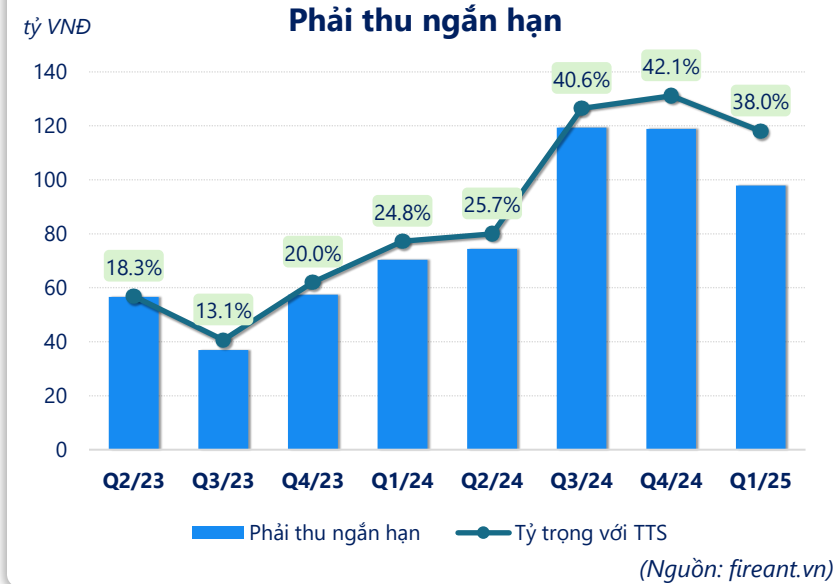
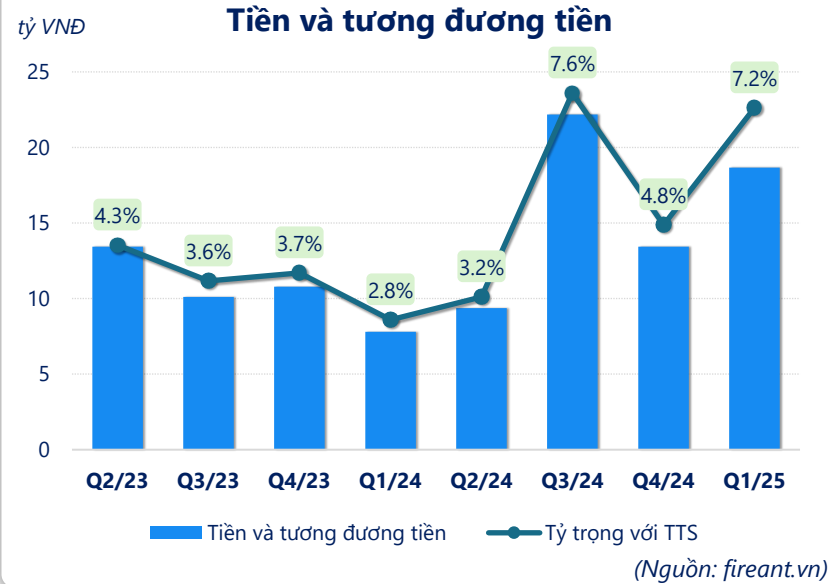
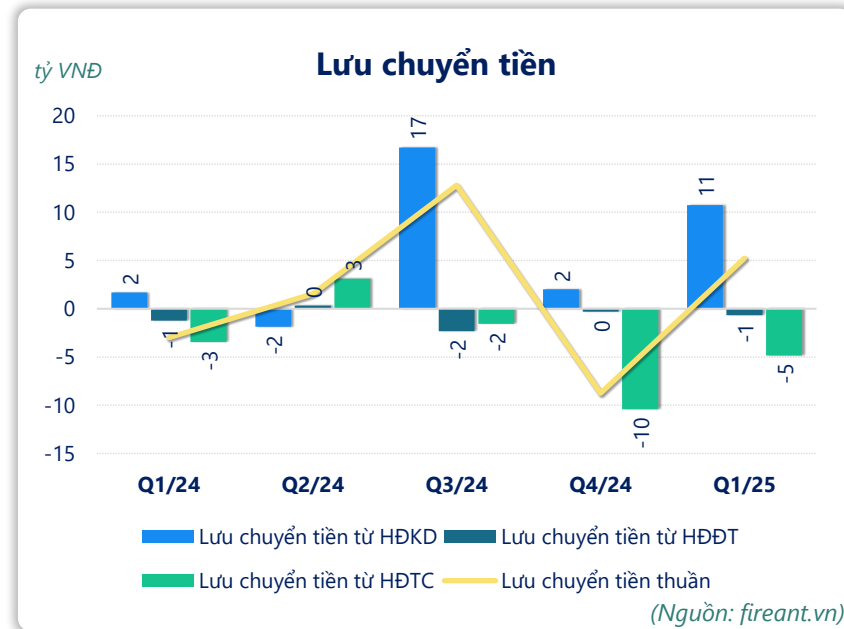
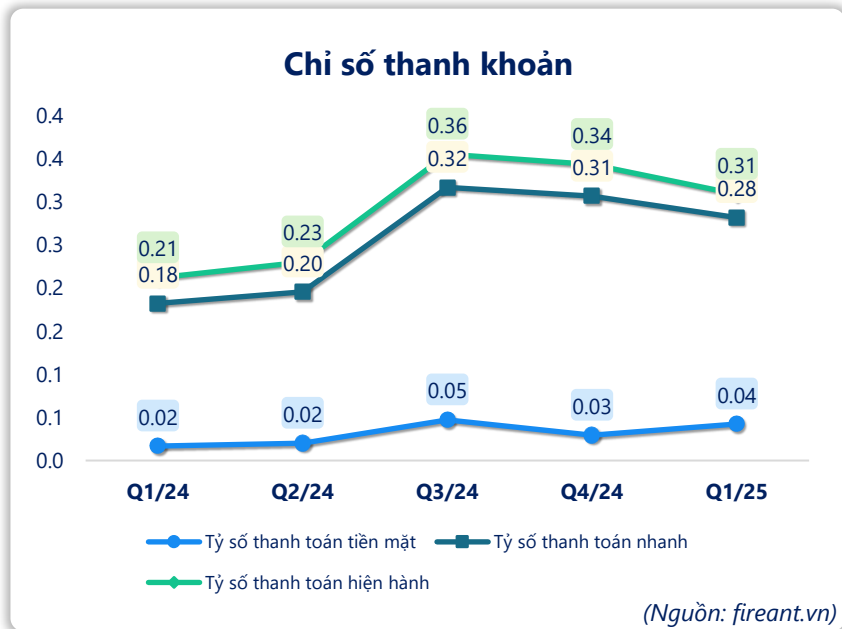
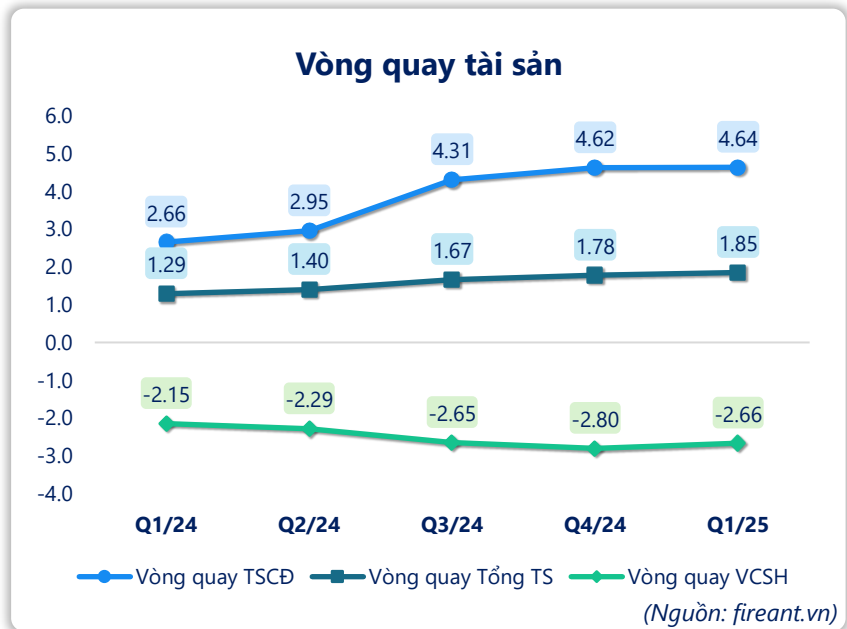
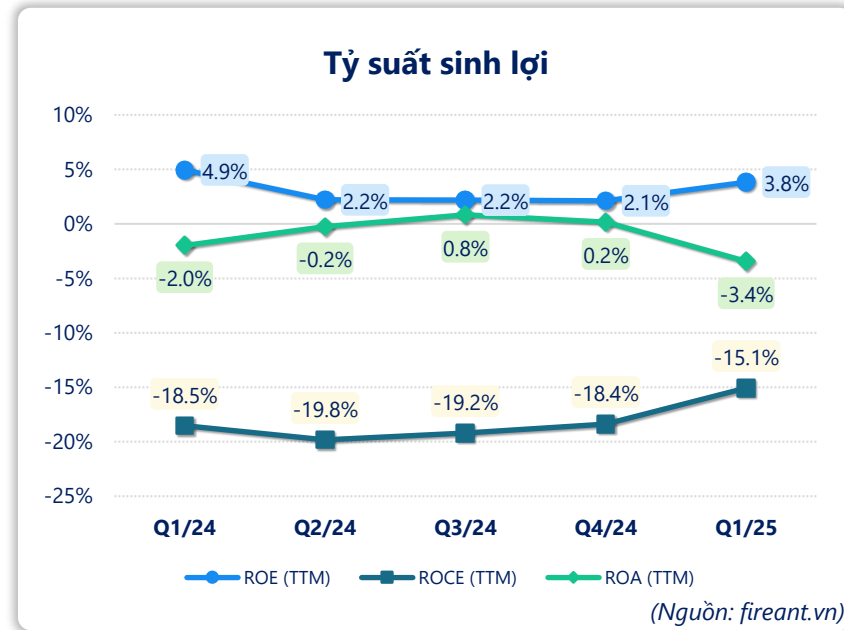
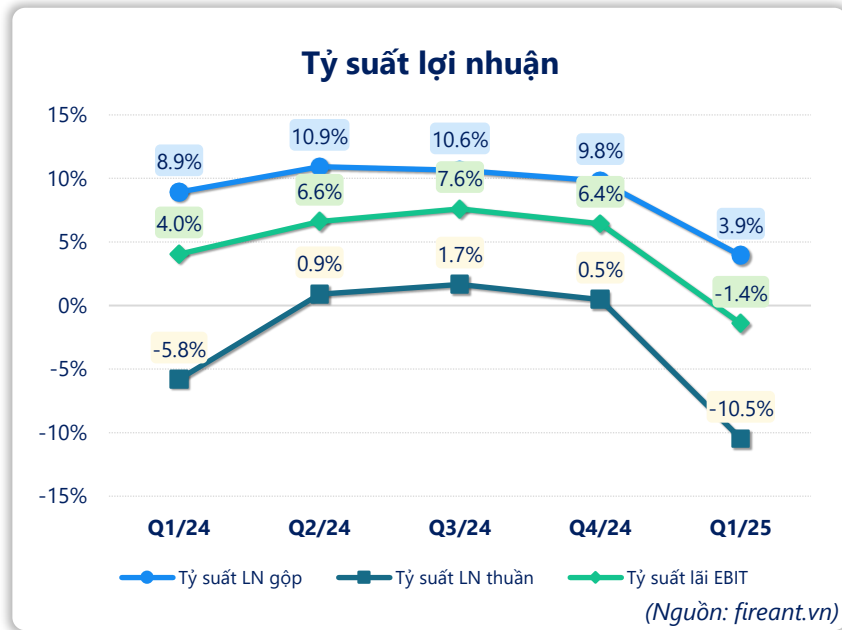
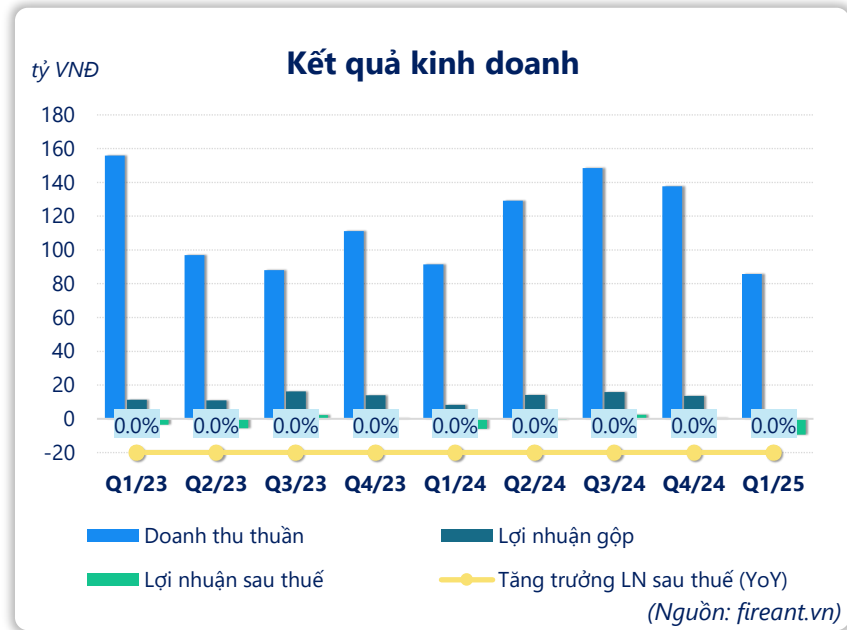


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		2,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		3,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		2,000
SL cổ phiếu LH		28,109,743
KLGD BQ 20 phiên (CP)		405
% sở hữu nước ngoài		0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		56
P/E		-7.8
EPS		-256

	YTD	1T	3T	6T
AGF	-33.3%	-9.1%	-28.6%	-20.0%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	258	282	-8.6%
Tài sản ngắn hạn	136	158	-13.6%
Tiền và tương đương tiền	18.7	13.4	39.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	97.9	119	-17.7%
Hàng tồn kho	12.0	17.0	-29.9%
Tài sản ngắn hạn khác	7.84	8.36	-6.2%
Tài sản dài hạn	122	124	-2.3%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	76.6	78.4	-2.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	24.1	24.5	-1.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	20.8	21.6	-3.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	449	464	-3.2%
Nợ ngắn hạn	441	457	-3.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	384	389	-1.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	7.69	19.9	-61.2%
Nợ dài hạn	8.02	6.83	17.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	-192	-182	-5.1%
Vốn chủ sở hữu	-192	-182	-5.1%
Vốn điều lệ	281	281	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	91.5	129	148	138	85.8
Giá vốn hàng bán	83.4	115	133	124	82.4
Lợi nhuận gộp	8.16	14.1	15.8	13.5	3.38
Doanh thu HĐTC	0.03	0.08	0.03	0.10	0.03
Chi phí TC	9.84	9.45	9.12	8.64	8.25
Chi phí lãi vay	9.63	9.26	8.90	8.41	8.11
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.68	0.84	0.92	0.77	0.92
Chi phí QLDN	2.99	2.75	3.33	3.54	3.22
LN thuần từ HĐKD	-5.32	1.15	2.46	0.66	-8.99
Lợi nhuận khác	-0.63	-1.89	-0.08	-0.19	-0.34
LN trước thuế	-5.94	-0.73	2.38	0.47	-9.33
Lợi nhuận sau thuế	-5.94	-0.73	2.38	0.47	-9.33
LNST của CĐ cty mẹ	-5.94	-0.73	2.38	0.47	-9.33

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.70	-1.87	16.7	2.00	10.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.24	0.32	-2.34	-0.32	-0.65
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.45	3.10	-1.58	-10.4	-4.86
Tiền đầu kỳ	10.8	7.80	9.38	22.2	13.4
Lưu chuyển tiền thuần	-2.99	1.56	12.8	-8.75	5.23
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.02	0	0	0
Tiền cuối kỳ	7.80	9.38	22.2	13.4	18.7

(Nguồn: fireant.vn)